CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Tập đoàn Thiên Long

Ngày 30/06/2025	52,600 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-2.0%	**-4.8%**	**-**

DT thuần
Q2/25
1,246
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 452| 56.9%
YoY: ▲ 39.0| 3.2%

LN thuần
Q2/25
274
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 174| 175%
YoY: ▼30.0| -10.0%

LN sau thuế
Q2/25
222
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 144| 183%
YoY: ▼19.0| -7.9%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
22.8%
YoY: +/-▲ 9.6%

ROE (TTM)
Q2/25
17.8%
YoY: +/-▼ 1.8%

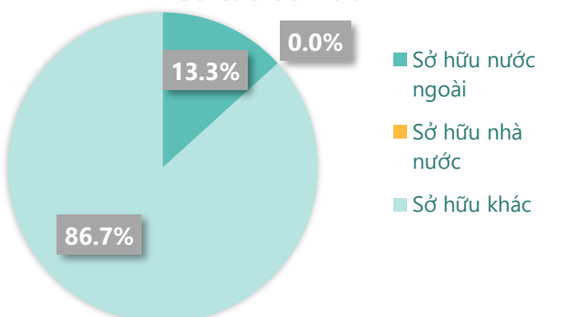
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	41,624 - 69,002
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	4,547
Số lượng CPLH (CP)	86,453,575
KLGD BQ 20 phiên (CP)	245,555
Sở hữu nước ngoài	13.3%
Beta	1.10
EPS	5,004
P/E	10.5

DT thuần
6T 2025
2,040
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 24.0| 1.2%

LN thuần
6T 2025
373
tỷ VNĐ
YoY: ▼40.0| -9.5%

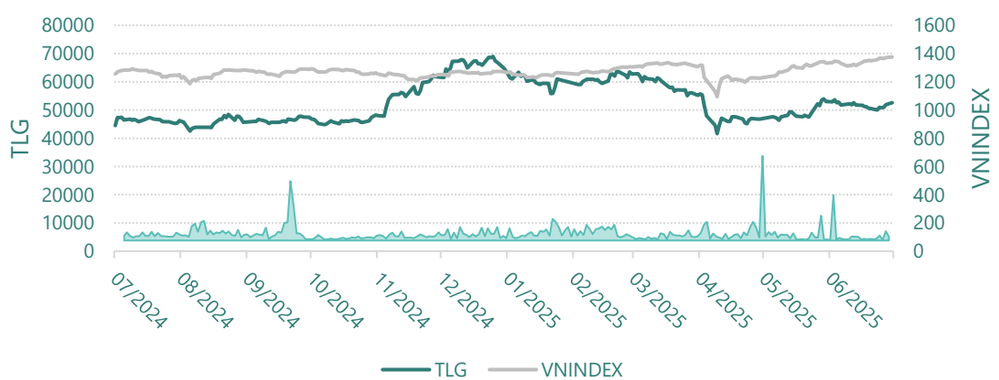
LN sau thuế
6T 2025
300
tỷ VNĐ
YoY: ▼30.0| -9.0%

Cơ cấu sở hữu

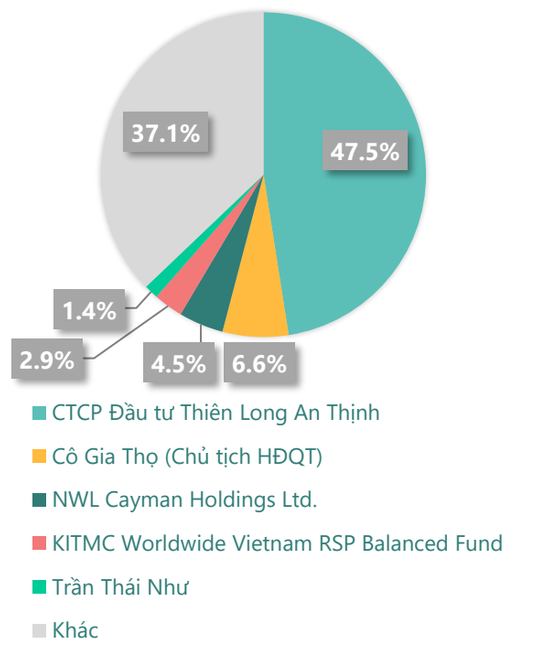


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



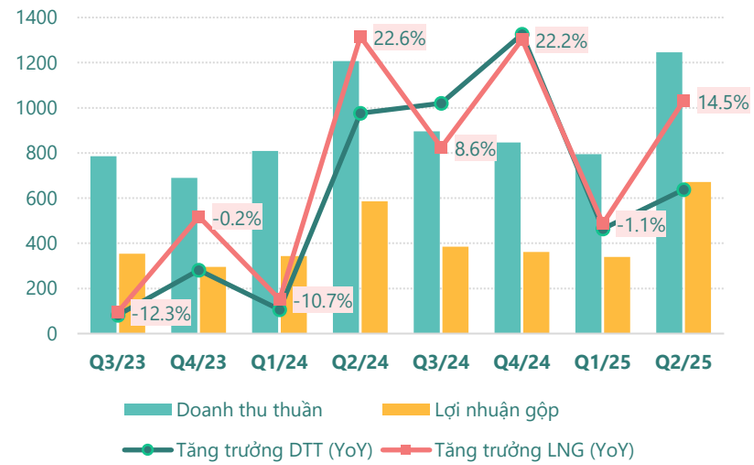
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

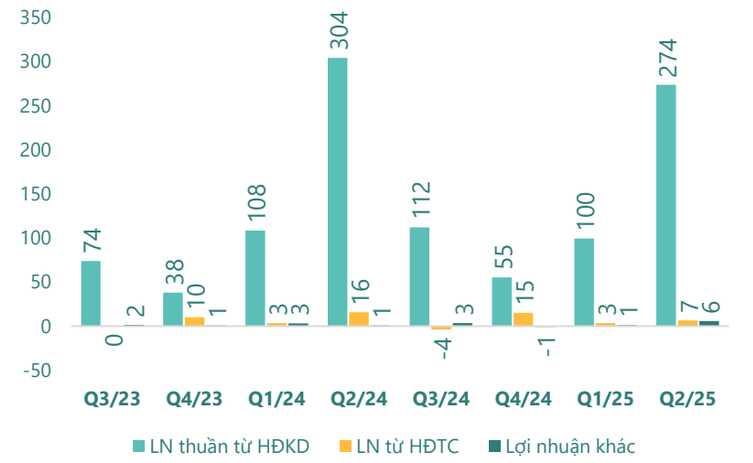
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



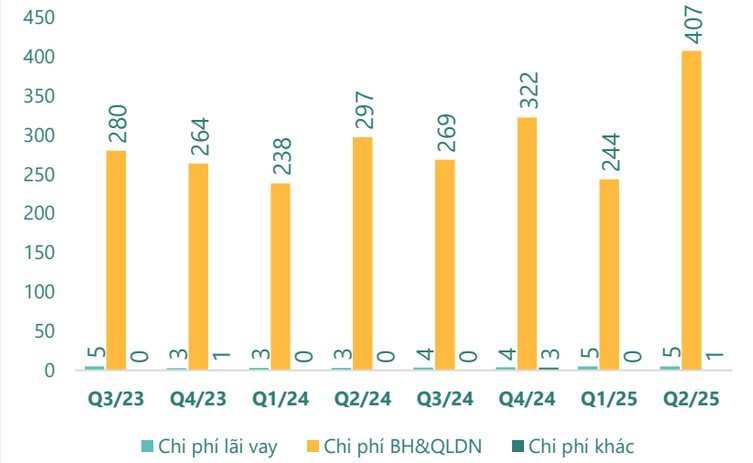
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



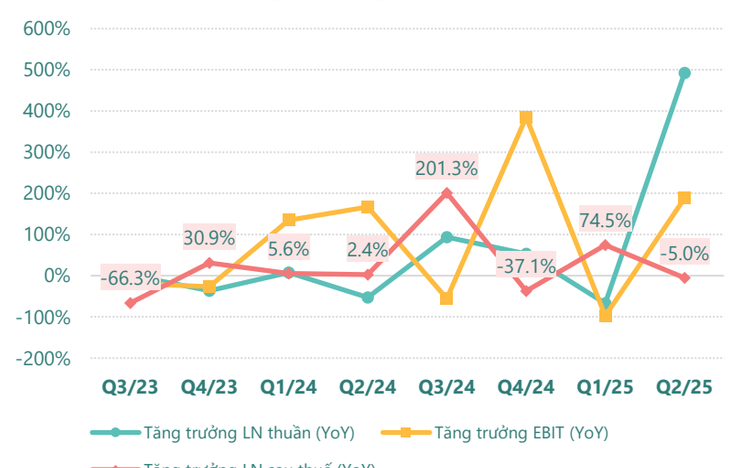
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



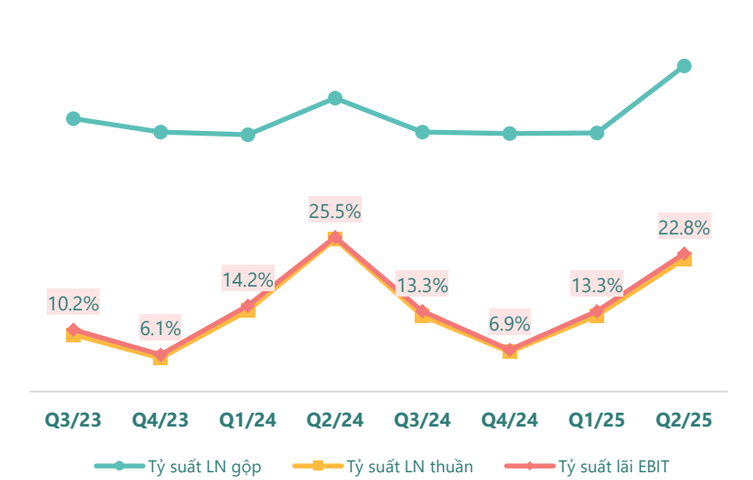
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



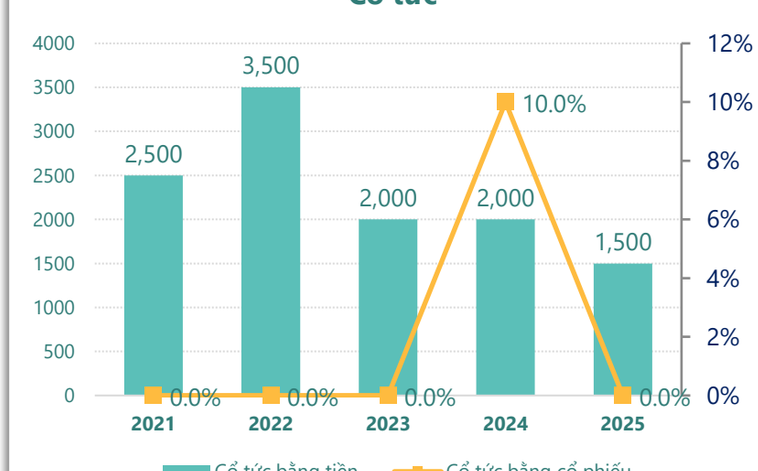
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

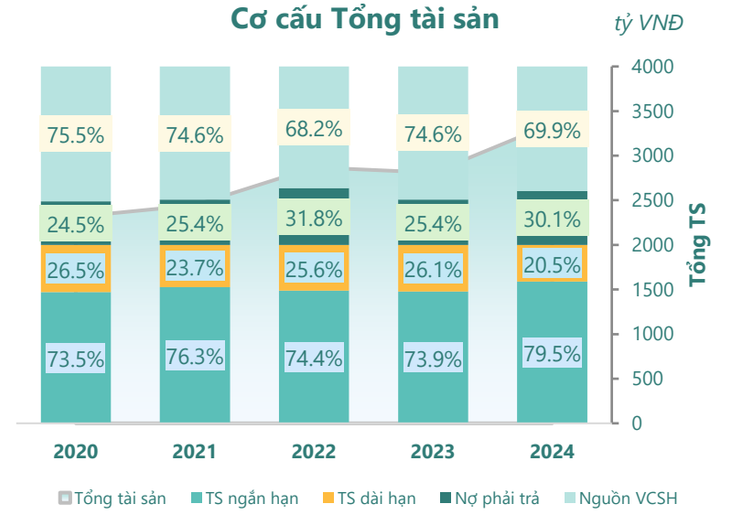
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

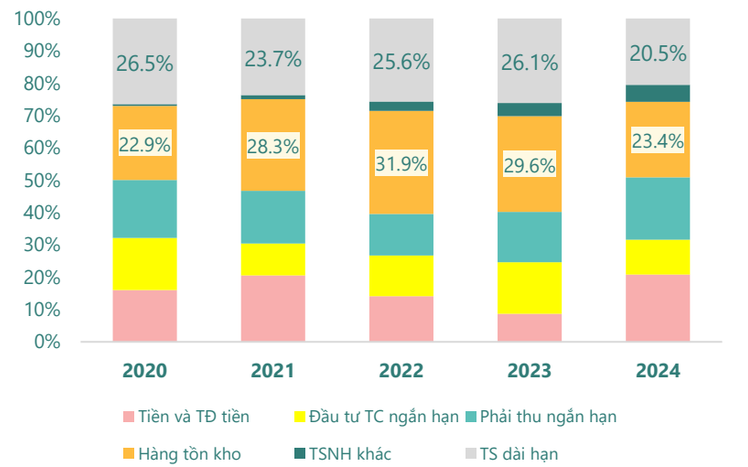
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



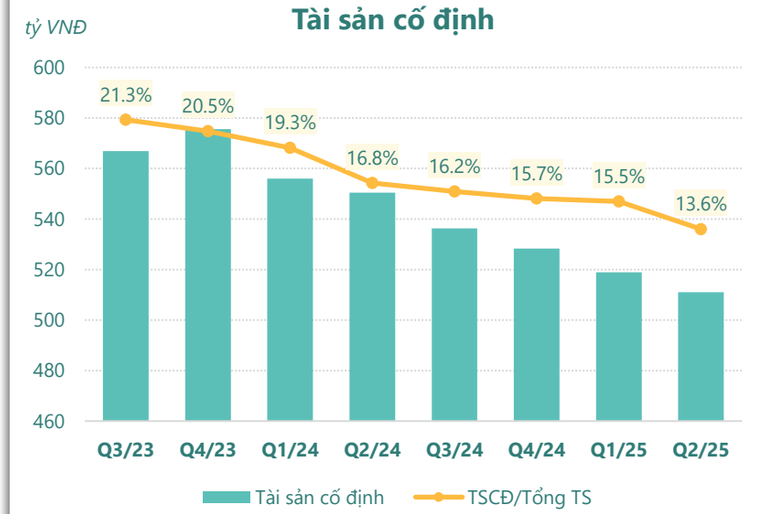
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



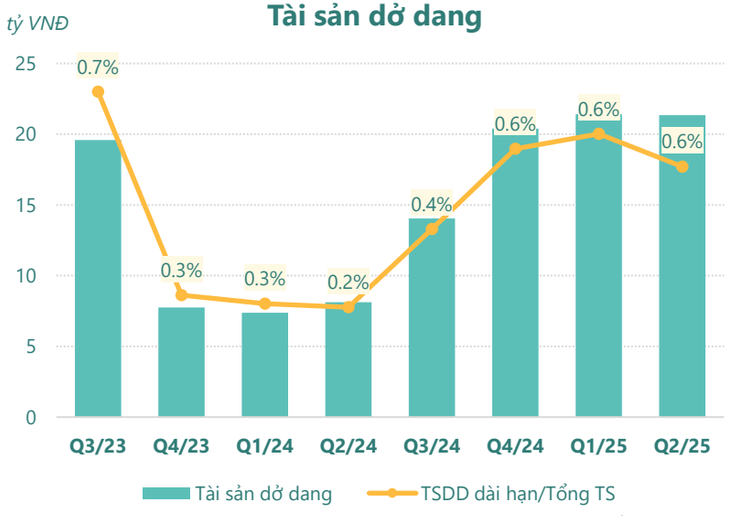
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



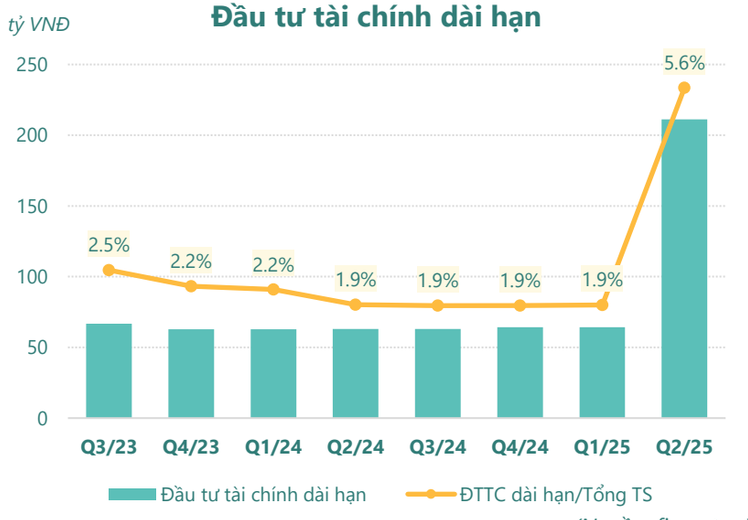
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



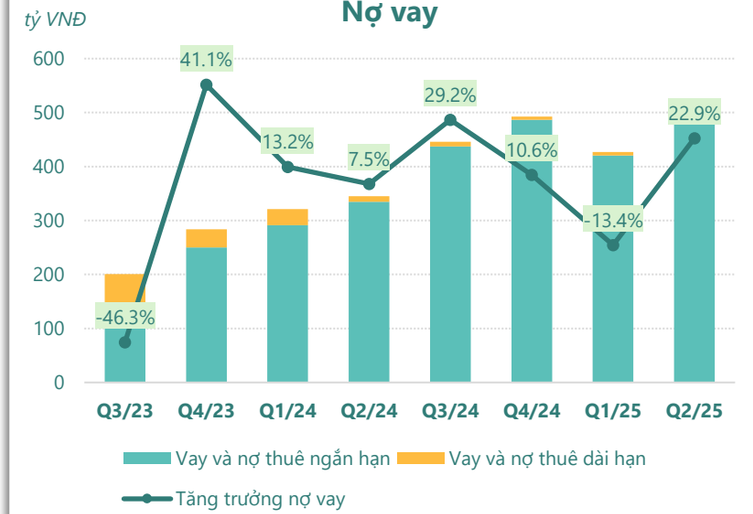
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

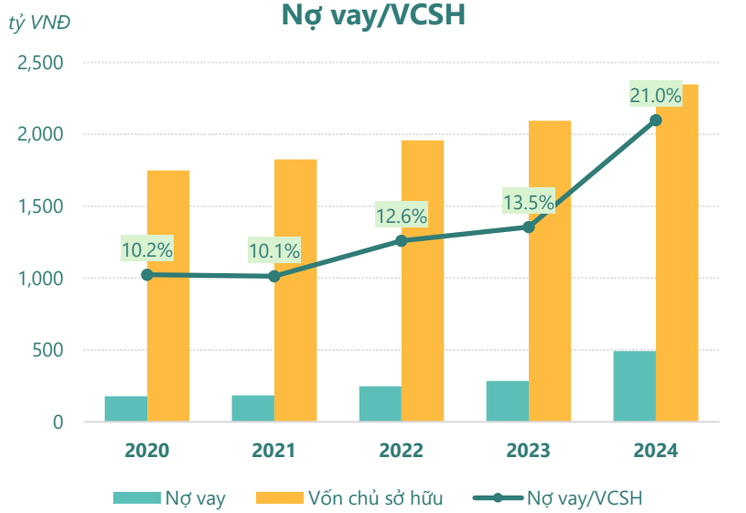
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

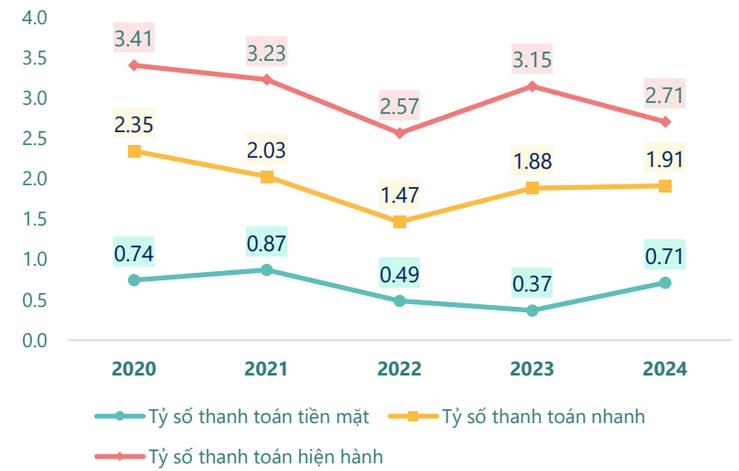
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



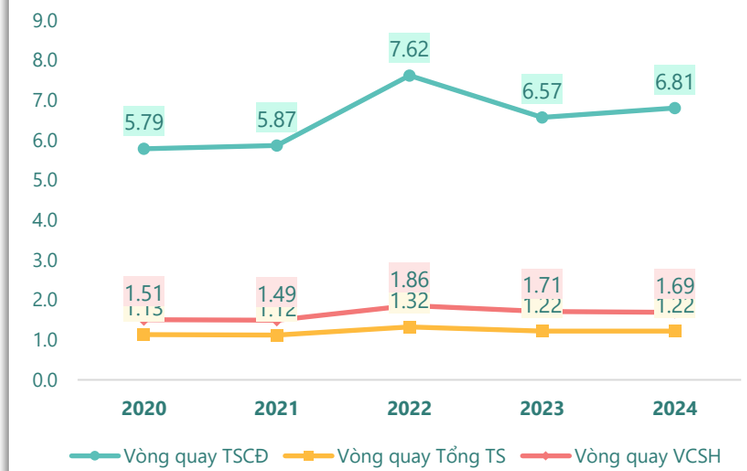
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



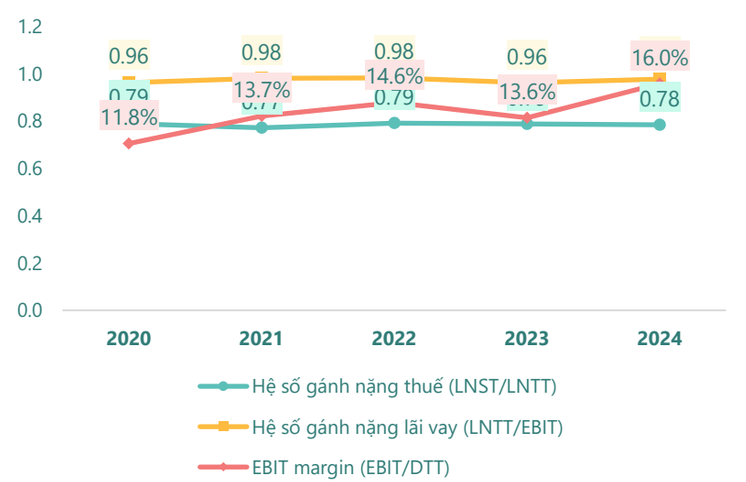
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



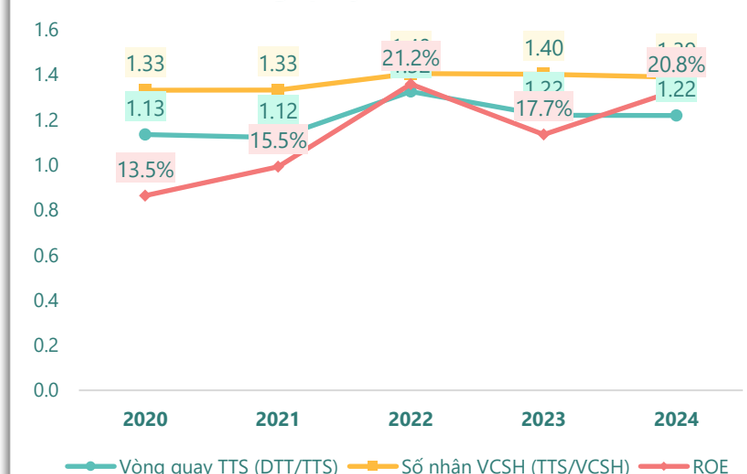
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



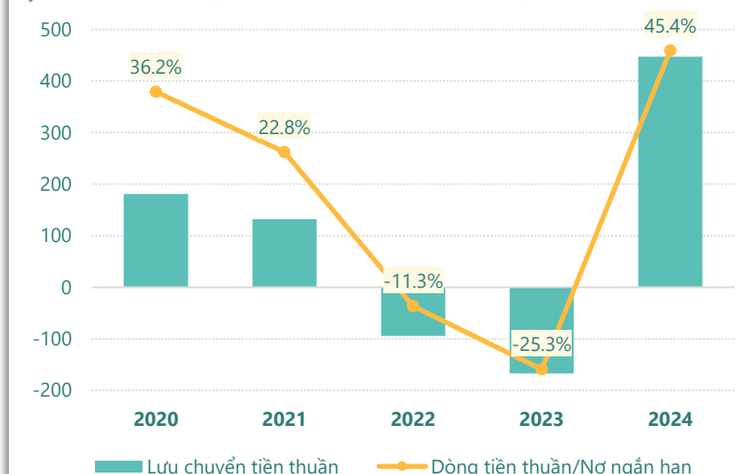
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**1,246**	**1,207**	**3.2%**	**2,040**	**2,016**	**1.2%**
Giá vốn hàng bán	575	621	-7.4%	1,030	1,086	-5.2%
Lợi nhuận gộp	671	586	14.5%	1,011	929	8.7%
Doanh thu HĐTC	17.8	20.9	-14.9%	27.4	29.5	-7.2%
Chi phí TC	11.2	5.22	115%	17.4	10.5	66.1%
Chi phí lãi vay	4.96	3.06	62.0%	9.72	6.25	55.7%
LN trong công ty LKLD	**3.61**	**0.00**		**3.61**	**0**	
Chi phí bán hàng	325	206	57.8%	490	363	35.0%
Chi phí QLDN	**82.4**	**90.9**	**-9.4%**	**161**	**173**	**-6.9%**
LN thuần từ HĐKD	274	304	-10.0%	373	413	-9.5%
Lợi nhuận khác	**5.87**	**0.89**	**560%**	**7.06**	**4.22**	**67.2%**
LN trước thuế	280	305	-8.4%	380	417	-8.8%
Lợi nhuận sau thuế	**222**	**241**	**-7.9%**	**300**	**330**	**-9.0%**
LNST của CĐ cty mẹ	**223**	**242**	**-8.0%**	**302**	**331**	**-8.8%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-115	334	138	-1.89	-123	189
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	33.6	-219	-105	326	130	-410
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	37.5	23.9	22.0	-31.8	-65.9	-31.8
Tiền đầu kỳ	243	199	345	399	700	641
Lưu chuyển tiền thuần	**-43.9**	**139**	**55.0**	**292**	**-59.7**	**-253**
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.21	6.04	-0.42	8.70	0.95	6.54
Tiền cuối kỳ	199	345	399	700	641	395

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**3,765**	**3,360**	**12.1%**
Tài sản ngắn hạn	2,945	2,671	10.3%
Tiền và tương đương tiền	395	700	-43.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	480	361	33.1%
Phải thu ngắn hạn	931	649	43.5%
Hàng tồn kho	941	785	19.9%
Tài sản ngắn hạn khác	197	176	12.3%
Tài sản dài hạn	**820**	**689**	**19.1%**
Phải thu dài hạn	12.3	14.7	-16.5%
Tài sản cố định	511	528	-3.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	21.3	20.4	4.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	211	64.2	229%
Tài sản dài hạn khác	**64.7**	**61.2**	**5.6%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,300	1,012	28.4%
Nợ ngắn hạn	**1,274**	**986**	**29.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	519	487	6.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	331	260	27.3%
Nợ dài hạn	26.0	26.7	-2.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	6.20	6.20	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**2,466**	**2,347**	**5.1%**
Vốn chủ sở hữu	**2,466**	**2,347**	**5.1%**
Vốn điều lệ	865	865	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)